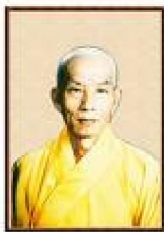


**DUY TÂM QUYẾT**  
**Nguyên Tác: Vĩnh Minh Thiền Sư**



**Dịch Giả: HT.Duy Lực**

---o0o---

**Nguồn**

**<http://thuvienhoasen.org>**

**Chuyển sang ebook 4-8-2009**

**Người thực hiện : Nam Thiên – [namthien@gmail.com](mailto:namthien@gmail.com)**

**[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)**

---o0o---

Nói đến chữ Tâm chẳng phải chơn, vọng, hữu, vô có thể phân biệt được; chẳng phải văn tự lời nói có thể diễn tả được. Nhưng các bậc Thánh ca ngợi, các Hiền triết giải thích, ngàn lối khác nhau, chỉ là tùy theo đương cơ mà giả lập phương tiện, cuối cùng đều qui về một pháp mà thôi.

Nên kinh Bát Nhã nói Bất nhị, Pháp Hoa nói Nhất thừa, Tư Ích nói Bình đẳng Như như, Hoa Nghiêm nói Thuần chơn Pháp giới, Viên Giác Kiến lập tất cả, Lăng Nghiêm Bao gồm mười phương, Đại Tập Nhiễm tịnh dung thông, Bảo Tích Căn trần hòa hợp, Niết Bàn An nơi bí tạng, Tịnh Danh Đạo tràng khắp nơi... tất cả tổng nhiếp bao gồm, tỏ hết sự và lý chẳng có thiếu sót. Cho nên một pháp ngàn tên, tùy duyên lập hiệu, người học đạo chớ nên mê lầm việc tùy sự lập danh, kẹt vào lời nói phương tiện mà cho chúng sanh là giả chư Phật là thật! Nếu ngộ được nhất pháp thì vạn pháp viên thông, sự mắc kẹt nhiều kiếp ngay đó tan rã, vô biên diệu nghĩa nhất thời đều thông, thấu triệt nguồn gốc của tâm pháp, rõ hết phương tiện của chư Phật, chẳng tốn một chút công lực, chẳng dời một bước mà du lịch hằng sa thế giới, không một Phật sát đạo tràng nào mà chẳng đến, không một pháp hội nào mà chẳng dự, không một tướng nào mà chẳng phải thật tướng, không một nhân nào mà chẳng viên nhân (cái nhân tròn đầy bao gồm tất cả tâm pháp), hằng sa Như Lai rõ ràng ngay trước mắt, mười phương Phật pháp sáng tỏ trong bàn tay, núi sông cao thấp cùng chuyển căn bản Pháp luân, hàm linh lớn nhỏ phổ hiện sắc thân Tam muội. Ở một chỗ mà mười phương cùng

hiện, giảng một âm mà pháp giới đồng nghe, nói huyền nói diệu mà chẳng hoại pháp thế gian, muôn ngàn biến hóa mà chưa rời chỗ thật tế. Cùng tam thế chư Phật nhất thời hành đạo, với mười loại chúng sanh đồng chứng Niết Bàn, đánh trống Phật pháp nơi cung ma, sấm sét Phật pháp nơi xứ tà, đi ngược mà tự thuận, nơi cương mà tự nhu, lên cao mà chẳng nguy, nước đầy mà chẳng tràn, ở yên trên đất tuyệt học, sâu vào nguồn gốc vô vi, nhập cửa huyền của chúng diệu, dạo cảnh giới của thật tướng.

Chẳng một pháp vốn có, chẳng một pháp mới thành, diệt trung biên, tuyệt tiền hậu, ấn đồng dị (đồng và dị cùng trong một pháp ấn), nhất khứ lai. Muôn cảnh cùng quán, nhất tâm bình đẳng, tiếng Phật thường nghe, huệ quang thường chiếu, đây là Đại Tịch Tam Muội Kim Cang định môn Thánh phàm bằng nhau, cổ kim đều vậy. Như tánh ướt của giọt nước với biển cả vốn đồng, sự dung nạp của cái lỗ nhỏ bằng hạt cải so với hư không chẳng khác, kẻ tin được thì công siêu nhiều kiếp, kẻ ngộ được thì rõ trong sát na.

Cái pháp môn của nhất tâm này thật là đại đạo chẳng có phương sở, tụ tập bụi trần mà chẳng phải hợp, tan rã quốc độ mà chẳng phân (phân tán), hòa quang mà bất quân (chẳng phải nhiều chúng hợp lại), đồng trần mà chẳng nhiễm, siêu xuất mà chẳng lìa, dung hợp mà chẳng tụ, nuôi dưỡng Thánh phàm mà chẳng có hình tướng thật chất để thấy, kiến đạo pháp giới mà chẳng có tên họ để gọi, che khắp cỏ cây, phủ khắp cỏ kim, cùng khắp hư không pháp giới, bầu trời chẳng thể che lấp bản thể, thường chiếu thường hiện, địa ngục chẳng thể ẩn dấu ánh sáng, vô trụ vô y, trần lao chẳng thể đổi cái tánh, phi thuận phi tạp, muôn pháp chẳng thể dấu cái chơn, vắng lặng mà âm thanh khắp nơi, vô tướng mà hình tượng đầy trời, dung hợp lẫn nhau mà cảnh vật muôn ngàn sai biệt, hình tướng sum la chỉ là một, chẳng tụ chẳng chia, chẳng vì việc hồng mà mất bản thể, cũng đồng cũng khác, tùy duyên mà chẳng cần giữ tánh, tức tướng là tánh nên chẳng ngại kiến lập; tức lý là sự nên chẳng hoại chơn thường. Dùng cái không của hữu, đâu ngại đủ thứ sanh khởi; dùng cái động của tịnh, đâu ngại muôn cảnh tịch lặng, nói một thì lớn nhỏ khác nhau, nói khác thì cao thấp đều bằng, nói có thì chơn lý tịch diệt, nói không thì sự dụng chẳng bỏ, dù sanh mà thường tịch, tướng thế gian trống rỗng, dù động mà thường trụ, muôn pháp chẳng rời; dù ẩn mà thường khởi, thích ứng tùy cơ. Chẳng giả mà ảo tưởng hòa hợp, chẳng thật mà chơn tánh trạm nhiên, chẳng thành mà đủ loại cùng sáng, chẳng hoại mà các duyên tự tuyệt. Cảnh dù hiện mà chẳng có tánh hiện, trí dù chiếu mà chẳng có công chiếu, tịch và dụng chẳng khác, năng và sở chỉ một. Đồng như gương sáng mà vạn tượng chẳng thể giấu hình, tánh như hư không mà các tướng chẳng rời bản thể, làm tạng thường trụ, làm cửa biến thông, trạm

nhiên kiên cố thường tùy vật biến hóa, lãng xãng tạo tác mà chẳng động được chơn như, thân nam ẩn, thân nữ hiện, phương Đông nhập, phương Tây xuất, đang còn mà thường diệt, đang nắm mà thường buông, phổ biến mà ánh sáng chẳng động, khắp nơi mà một vật chẳng có, một hạt bụi gồm vô biên quốc độ, một niệm tướng lập vô tận cổ kim. Tức tịnh thường nhiễm ở thật tướng mà chẳng phải thặng (cấp bậc cao), tức đục thường trong, vào lục đạo mà chẳng phải đọa.

Nhìn bên ngoài chẳng dư, nhìn bên trong chẳng thiếu, đầy mắt mà chẳng thấy, đầy tai mà chẳng nghe, đầy lòng mà chẳng biết, đủ lượng mà chẳng hay, đã thành mà chẳng cũ, nay hiện mà chẳng phải mới, chẳng mài mà tự sáng tỏ, chẳng chùi mà tự trong sạch, chơn tánh độc lập, diệu thể thường trụ, linh quang xán lạn, công đức đầy tràn.

Diệu dụng của hàm linh phổ hội, làm vua của muôn Pháp, Tam thừa và Ngũ tánh (năm thứ chủng tánh: tam thừa, ngoại đạo và bất định chủng tánh) qui tụ, làm mẹ của ngàn Thánh, độc tôn độc quý, chẳng gì sánh bằng, là chơn pháp yếu, là thật đại đạo, tông tích nhiệm mầu chẳng định, tùy theo tánh vật mà vuông tròn, diệu dụng thích ứng tự nhiên, tùy theo căn cơ mà ẩn hiện, cho nên gốc sanh ngọn mà ngọn tùy gốc, thể dụng lẫn nhau; chơn thành tục mà tục lập chơn, thánh phạm cùng tỏ; chính ta giúp người mà người giúp ta chủ bạn cùng tham.

Chúng sanh thành Phật mà Phật độ chúng sanh, nhân quả rõ ràng. Cảnh chẳng tự tánh mà người khác thành tự kỷ, tâm chẳng tự tánh mà tự kỷ thành người khác, lý chẳng thành tự mà một tức nhiều, sự chẳng thành tự làm nhiều tức một, tướng dù giả mà âm thầm một thể, tánh dù thật mà thường nơi vạn duyên. Dù hiển lộ mà tìm cầu rất khó, dù siêu tuyệt mà đại dụng chẳng ngại, hiện ra ảo tượng nơi một tánh mà dung chơn (dung hợp Chơn đế), Tịch diệt linh thiêng, nhờ sum la mà hiển tướng. Đế và trí (Đế: Chơn đế, Tục đế. Trí: Quyền trí, Thật trí) phát minh lẫn nhau, nhiễm và tịnh huân tập lẫn nhau, tùy sức yếu mạnh mà chìm nổi vô thường, tùy duyên tụ tán mà nắm buông chẳng định, nhiếp nhau thì vi trần chẳng hiện, giúp nhau thì muôn cảnh đều sanh, đến như bóng trăng bỗng hiện trong nước, đi như đám mây bỗng tan trên trời, động tịnh vô ngại, trống rỗng thấu nhập, tương sanh tương khắc, linh thông khó lường, chẳng trong chẳng ngoài, diệu tánh khắp nơi.

Biển trí mênh mông dung nạp tất cả chẳng kể thiếu sót, linh châu (tự tánh) sáng tỏ, chiếu khắp mười phương chẳng từng mây may ẩn giấu. Như vàng

thiệt tùy theo đồ dùng làm ra đủ thứ khuôn hình, muôn ngàn sai biệt mà chẳng ngại, như trong lặng nói nhiều làn sóng, hiển tướng mà bản thể chẳng chút mất mát. Đều đúng đều sai, cũng tà cũng chánh, chẳng có mà thị hiện có, mơ hồ như trong mộng, chẳng thành mà tựa như thành, thấm thoát như huyền hóa. Tùy nguồn không mà sanh diệt, pháp pháp vô tri, theo biển ảo mà thịnh suy, duyên duyên tuyệt đối (đối đãi). Cho nên, đỉnh núi chót vót mà chẳng vực thăm, biển rộng không đáy mà chẳng thâm sâu, tam độc, tứ đảo (điên đảo) mà chẳng phải phạm, bát giải lục thông mà chẳng phải Thánh, đồng ở đất chơn như tịch diệt, cùng vào cửa bất nhị vô sanh. Tạo tác trong đạo giải thoát, trùng trùng vô tận hiển hiện trong bất tư nghì, mỗi mỗi khó tìm, đâu thể kiến lập thủy chung, chỉ định xứ sở! Đâu cần sùng chơn chơn vọng, chán dị ham đồng!

Lại muốn hoại thân thể huyền hóa, muốn dứt ý thức chiêm bao; mà chẳng biết mỗi niệm đều là Thích Ca ra đời, mỗi bước đều là Di Lặc hạ sanh, phân biệt là hiện cái tâm của Văn Thù, động tịnh là hành cái hạnh Phổ Hiền, mọi cửa đều là cam lồ, mọi vị đều là đề hồ, thường ở nơi thế giới Liên Hoa Tạng. Chói rọi không vật nào chẳng soi thấu, rõ ràng sáng tỏ đầy mắt, khỏi nhờ biện tài diễn tả, chẳng cần thân thông hiển thị, động tịnh thường gặp, sáng tối chẳng lia, chẳng phải xưa thành nay suy, đâu phải ngu chìm mà trí hiện!

Nói nín thường khế hợp, đầu đuôi thâm dung thông, Đạt Ma đâu cần đến Đông Độ, bảy Phật đâu cần thị hiện trên đời! Hễ tâm không thì trời đất hư tịch, tâm hữu thì quốc độ sum sê, niệm khởi thì sơn nhạc lay động, niệm lặng thì sông ngòi yên tịnh, ứng cơ cao tốt thì lời lời liễu nghĩa, trí huệ sáng tỏ thì niệm niệm hư huyền, căn khí lớn thì pháp pháp đầy đủ, độ lượng thì trần trần vô tận, ý địa trong thì thế giới sạch, tâm thủy đục thì cảnh tượng tối, đề ra một mà bao gồm toàn bộ, kang trang bình đẳng, sẵn sàng cụ túc, chỉ ở nơi chánh quán mà thôi.

Muôn pháp vốn do người tạo, chơn như tự đủ nhiều đức, vô niệm mà công đức sẵn có, vô tác mà diệu hạnh đều viên. Chẳng tạo mà thành, linh trí sẵn sàng, chẳng tìm tự đắc, diệu tánh thiên chơn, mới biết lý trí viên dung, đại đạo chẳng ở bên ngoài, tuyệt một hạt bụi mà độc lập, có tướng nào để tung hoành? Vì vậy, ngay nơi âm thanh tức là nghe, ngoài sự thấy chẳng có pháp khác (bản văn cũng là bản kiến, cùng khắp không gian và thời gian) sắc đẹp chẳng thể mê hoặc, âm diệu chẳng thể lôi chìm, như nước biển hội đủ mùi vị của ngàn sông, như núi Tu Di nuốt hết sắc tướng của quần đảo, không một tên chẳng hoẵng danh hiệu của Như Lai, không một vật chẳng tỏ hình tướng chư Phật, cây cối nhà cửa tự tỏ diệu tướng vô biên, khi kêu chim hót đều nói

diệu âm bất nhị, si ái thành nguồn chơn giải thoát, tham sân tở đại dụng Bồ đề, vọng tưởng khởi mà Niết Bàn hiện, trần lao sanh mà Phật đạo thành. Từ bản thể làm nên mà Hóa thân, Báo thân tịch lặng, tùy duyên hiển hiện mà Pháp thân đầy đủ khắp nơi, thật là chỗ quy về của giáo pháp, linh ngộ của Thánh Hiền, thực tế của chúng sanh, căn bản của vạn vật, đại cương của chánh pháp, bản ý của xuất thế, đường lối của Tam thừa, bển đồ của Phật đạo, linh nguyên của Bát Nhã, quê nhà của Niết Bàn.

Bởi vì diệu lý mầu nhiệm sâu xa, huyền chỉ hy hữu khó lường, kẻ cuồng huệ uổng nhọc tinh thần, kẻ si thiên chỉ có thể tự trói. Kỳ thật thì con đường của ngôn ngữ cắt tuyệt, ý thức phân biệt dứt bật, tinh thần trong sạch, trí huệ tự nhiên, không hữu song dung, căn trần trống rỗng như nhìn thấu trời xanh, như ở dưới mặt trời chói chang, không một pháp môn nào chẳng hiện, không một chí lý nào chẳng rõ. Chẳng động tình thức, dưới ao sâu mà lượm nhằm thắt bảo, chẳng phí tâm lực; trong nước đục mà tự được huyền châu, quán đại thiên thể giới ngay trước mắt, chỉ hằng sa quốc độ nơi bên cạnh, nắm chúng sanh trong bàn tay, ôm vạn vật trong lòng, chẳng tốn chút công, thành tựu Lăng Nghiêm đại định; chẳng nhìn một chữ, xem hết tất cả kinh điển, nghĩa của Tứ cú thông, đường của Bách phi tuyệt. Đọc xuyên tam tế, ngang thấu mười phương, duy nhất Tổng trì (Tổng nhất thiết pháp, Trì nhất thiết nghĩa, hiệu Đại Tự Tại).

Thần quang hiển hách, oai đức lẫy lừng, ngoại đạo kinh hồn, tà ma sợ hãi, phiền não tan rã, sanh tử bay mất, tình ái rửa sạch, ngạo mạn sụp đổ, thông thả vô ngại, đạu bạc rộng rãi, vô đặc vô cầu, khoáng đạt tự tại, cao rộng quá hư không, ánh sáng hơn nhật nguyệt, vậy thì quyền trí và thật trí đi đôi, từ bi, trí huệ song hành, cứu thế như huyền, độ sanh đồng không, vào hữu mà chẳng trái vô, hành chơn mà chẳng ngại tục, như trời che đất chở, như nhật nguyệt cùng sáng, thị Thánh hiện phàm, xuất sanh nhập tử, đem thật tướng tâm ấn, dụng đại pháp tràng tạo một ánh sáng mà cứu tế muôn loài, khiến tro lạnh bùng lên sức ấm, hạt giống cháy sống lại làm thuyền. Từ nơi biển khổ, làm Đạo sư cho kẻ lạc đường. Che và chiếu tự động, nắm buông tùy trí, dù vô tri mà muôn pháp viên thông, dù vô kiến mà tất cả rõ ràng. Chỉ cần khế hợp ý chỉ này thì bản thể vốn tự nhiên, như mùa xuân nảy mầm, như đất sanh vạn vật, Thập thân bỗng hiện, Tứ trí đồng khởi, là như ý tràng (cây lọng), là Thắt bảo tụ, pháp tài phong phú, lợi sanh chẳng cùng, nên gọi là Vô Tận Tạng, hiệu rùng công đức, đầu thể ánh nắng mà chẳng chiếu, có đèn đốt mà chẳng sáng!

Chớ nên dùng tâm có giới hạn mà sanh kiến giải có ngăn mé, đo lường rộng hẹp của hư không, xác định biên thùy của pháp giới, khiến cho tình thức phân biệt, chẳng siêu việt cảnh trần, vọng tâm bùng dậy nơi đất chơn như, đánh lên làn sóng ý thức trong biển tịch diệt; hạn chế sự thấy trong ống dòm, trộm cắp ánh sáng nơi kẽ vách, vọng lập cái tri của năng sở, làm khởi cái kiến giải của tốt xấu, đuổi theo lời nói văn tự để định đoạt tông chỉ, cũng như con muỗi muốn bay theo đại bàng, đom đóm muốn so với mặt trời vậy!

Tự tánh khởi dụng dung nạp mười phương hư không trong một lỗ chân lông, hiện muôn ức Phật sát trong một sát na, mỗi mỗi thân cùng khắp mỗi mỗi Phật sát, mỗi mỗi Phật sát bao gồm vô biên thân, rút nhiều kiếp trong khoảnh khắc, quăng quả đất ra ngoài vũ trụ, trong một lỗ chân lông phóng ra vô tận quang minh, trong một lời nói tỏ hết tất cả giáo pháp, ấy là bốn phận của chúng sanh, sức bằng với chư Phật, không một pháp nào mà chẳng phải vậy, hễ có tâm là sẵn sàng, chẳng nhờ sức của thần thông, chẳng do tu chứng mà được, đức lượng như như, tất cả đầy đủ, nếu bỏ biển mà nhận bọt, ý chí thấp kém mà tự khinh mình, chôn vùi gia tài mà không biết xài!

-Người học đạo chẳng tin tự tâm hoặc muốn bỏ vọng mà giữ chơn; hoặc cho mình chẳng có phần mà cam chịu trần lao; hoặc nhận vọng làm chơn mà hành theo tà đạo; hoặc chấp phương tiện mà khổ tu tiệm hạnh; hoặc chấp cao vị mà suy tôn cực Thánh; hoặc tích chứa công đức, hy vọng mãn ba A tăng kỳ kiếp để thành Phật, chẳng biết toàn thể hiện tiền, lại mong cầu diệu ngộ, chẳng biết xưa nay vốn đầy đủ mà chờ đợi sự thành công. Nếu chẳng nhập viên thường ắt phải chịu luân hồi!

-Chỉ vì mê muội nơi đức tánh, chẳng phân biệt chơn tông, buông giác theo trần, bỏ gốc tìm ngọn, theo lưới ma của hữu vô, vào rừng tà của đồng dị, mở xẻ chơn không, phân chia pháp tánh, sanh diệt theo trần, hữu vô tùy cảnh, chấp đoạn mê thường, lấy duyên bỏ tánh, vọng khởi tri giải, lầm lẫn tu hành.

-Hoặc hòa thần dưỡng khí mà chấp tự nhiên; hoặc cho khổ thân hủy hình là hành theo chí đạo; hoặc chấp lấy cái cột vô trước để dựng lên thành cảnh trước mắt; hoặc cầu tịnh lự mà đè nén vọng tâm; hoặc gọt tình diệt pháp để kết thành không; hoặc theo hình bóng của nhân duyên pháp trần mà ôm thành tướng; hoặc bỏ mất chơn của linh tâm; hoặc hủy hoại chánh nhân của Phật pháp.

-Hoặc kết tụ tinh thần cắt tuyệt tâm thức; thọ báo thành loài vô tình; hoặc tỉnh tâm bật sắc trụ quả nơi trời Tứ không; hoặc chấp thật có, lạc vào thành

huyền hóa; hoặc chấp không, lại đồng như sùng thờ; hoặc tuyệt kiến giải, đọa vào nhà đen tối; hoặc lập chiếu soi, trở thành chấp sở tri; hoặc nhận hữu giác là hình của chơn Phật, hoặc nhận vô tri như loài gỗ đá; hoặc chấp vọng bằng với quả cứu cánh, cũng như nhận đất là bình; hoặc bỏ duyên để vào cửa giải thoát, cũng như vạch sóng tìm nước.

-Hoặc đuổi theo ngoại cảnh, vọng tạo việc trong chiêm bao; hoặc trong giữ u nhân, ở yên nơi ngu si; hoặc chấp đồng, cho vạn vật đều bằng nhau; hoặc chấp dị, mỗi mỗi tự lập pháp giới; hoặc cam chịu ngu si, cho chẳng có phân biệt là đại đạo, hoặc ham Không kiến (tri kiến chấp không), bài xích thiện ác cho là chơn tu; hoặc hiểu lầm tánh bất tư nghì lọt vào ngoan không; hoặc cho diệu tánh chơn là thật có; hoặc trầm cơ tuyệt tượng (cơ: linh động) đồng như cõi trời hữu lậu; hoặc giác quán tư duy đọa nơi tình lượng (tình thức suy lường); hoặc chẳng cứu xét vọng tánh, cho ấy là thời hỗn độn sơ khai của trời đất; hoặc mê muội nơi ảo thể, lấy “tuyệt không” làm Tông chỉ.

-Hoặc nhận bóng làm chơn; hoặc lấy vọng để tìm thật; hoặc nhận tánh kiến văn cho là hữu tình; hoặc chỉ cảnh huyền hóa cho là loài vô tình; hoặc khởi ý trái với tịch tri; hoặc dứt niệm phé bỏ Phật dụng; hoặc mê tánh công đức, khởi tri kiến của tâm sắc; hoặc căn cứ lời “Tất cánh không” sanh tâm đoạn diệt; hoặc chấp chí lý liền bỏ trang nghiêm; hoặc mê tiệm thuyết (đốn tiệm tương đối), luôn luôn tạo tác; hoặc chiếu theo “Bản thể lìa duyên” kiên cố ngã chấp; hoặc tiêu diệt tất cả, giữ lấy tự kỷ; hoặc quyết định “Người và pháp tự nhiên” thành ngoại đạo vô nhân; hoặc chấp cảnh và trí hòa hợp, đọa vào cộng kiến; hoặc chấp tâm và cảnh lẫn lộn, thành pháp năng sở; hoặc chấp sự phân biệt chơn tục, bị buộc nơi ngu xuẩn của tri chướng.

-Hoặc giữ “nhất như bất biến”, lọt vào thường kiến; hoặc thấy tứ tướng đời đời, chìm nơi đoạn kiến; hoặc chấp vô tu, lìa bỏ Thánh vị; hoặc nói có chứng trái ngược thiên chơn; hoặc đam mê y báo, chánh báo, theo thế tục luân hồi; hoặc chán sanh tử lạc mất chơn giải thoát; hoặc mê chấp chơn không, sùng nhân trước quả; hoặc mê muội thực tế, ham Phật ghét ma; hoặc chấp thuyết phương tiện tùy nghi, cho lời Phật Tổ là chơn.

-Hoặc bỏ mất thật tướng âm thanh, muốn lìa ngôn ngữ cầu nơi nín lặng; hoặc tuân theo giáo thừa, phá hoại định thể của tự tánh; hoặc hoảng thiên quán, bài xích lời giải thích của kinh liễu nghĩa; hoặc vì tranh đoạt danh lợi, đặt ra lời kỳ lạ, bị chìm vào biển ý thức; hoặc muốn tịnh khiết tìm cầu huyền bí lại đọa vào thành ngữ ám; hoặc khởi tri giải thù thắng, móc thịt đắp ghê;

hoặc trụ nơi bản tánh trong sạch mà chấp thuốc thành bệnh; hoặc theo văn tìm nghĩa, thích ăn đàm dãi của người khác.

-Hoặc cố giữ thanh nhàn, ngồi nơi pháp trần; hoặc sanh tâm có đặc để bàn luận Đại thừa Vô tướng; hoặc dùng tư tưởng suy lường để tìm huyền chỉ bên ngoài vật; hoặc phé bỏ ngôn thuyết sanh kiến giải tịnh khẩu; hoặc chấp sự giải thích kỹ càng cho ngón tay là mặt trăng; hoặc nhận lầm sự dụng làm nguồn gốc của sanh diệt; hoặc chuyên ghi nhớ, trụ trong thức tướng; hoặc hay sắp đặt, đánh mất bản tánh của viên giác; hoặc phóng túng đi lầm cửa đạo; hoặc muốn thân tâm tinh tấn kẹt nơi hữu vi.

-Hoặc chấp chơn tánh vô vật, bị trói nơi trí huệ; hoặc siêng tu niệm, mất nơi chánh thọ (chánh định); hoặc bắt chước “tự tại vô ngại” bỏ sự tu hành; hoặc ý “bản tánh vốn không”, tùy thuận tập khí; hoặc chấp “thật có ràng buộc” nên muốn dứt trừ.

-Đối với Phật pháp, kẻ quý trọng thì sanh trưởng pháp ái, kẻ khinh mạng thì hủy hoại nhân Phật; hoặc cầu tiến mà trái với bản tâm; hoặc lui sụt lại trở thành buông lung; hoặc thể và dụng khác nhau, trái với Phật thừa; hoặc trầm không trệ tịch, làm mất bản tánh của đại bi; hoặc bật duyên chán giả, vi phạm pháp môn sẵn đủ; hoặc mê muội chơn ngã vốn không, mà chấp ngã kiến; hoặc cố chấp Phật pháp, mê lầm hiện lượng (pháp ngã vốn không); hoặc có giải chẳng có tín, mống lên tà kiến; hoặc có tín chẳng có giải, sanh trưởng vô minh.

-Hoặc cho người đúng pháp sai; hoặc cho cảnh sâu trí cạn; hoặc chấp lấy nên mê pháp tánh; hoặc xả bỏ thành cái chơn như; hoặc chấp tánh lìa nên nghịch với nhân; hoặc chấp thường trụ nên trái với quả; hoặc chấp cái sai phỉ báng cái thật; hoặc chấp cái đúng phá hoại sự tùy nghi; hoặc chán vô minh, xa trái bất động trí môn; hoặc ghét vọng cảnh, tổn thương pháp tánh tam muội; hoặc chấp cái lý đồng, hành tăng thượng mạn; hoặc bác cái tướng dị, hoại cửa phương tiện.

-Hoặc chấp Bồ đề là thật, phỉ báng chánh pháp luân; hoặc chấp chúng sanh là giả, hủy hoại chơn Phật thể; hoặc chấp thật trí mà bỏ quyền trí; hoặc chấp sự tùy cơ giáo hóa mà mê muội chánh tông; hoặc kẹt trên lý, lọt vào hầm vô vi; hoặc chấp nơi sự, nhảy vào lưới hư huyền; hoặc xóa bỏ dấu tích đối đãi, trái ngược với sự song chiếu (thể và dụng đi đôi); hoặc chấp nơi Trung đạo, làm mất bản ý phương tiện; hoặc có định mà chẳng có huệ, làm mầm đạo bị cháy; hoặc cố chấp hạnh nguyện, thành chôn vùi giống Phật; hoặc tu hạnh



Vô tác mà trở thành Bồ đề hữu vi; hoặc chấp cái Tâm vô trước nên thành Bát nhã tương tự (chẳng phải Bát nhã chân thật); hoặc ham tướng tịnh mà thành cầu bản của thật tánh; hoặc trụ nơi chánh vị (ngôi pháp) làm mất cái tự tánh vốn không; hoặc kiến lập thiền quán vô tướng làm chướng ngại chơn như.

-Hoặc sanh khởi tâm liễu tri, thành phản bội pháp tánh; hoặc chấp chơn thuyên (lời giải thích kỹ càng) sanh ngữ kiến (tà kiến chấp ngôn ngữ), như uống cam lộ mà chết sớm; hoặc ôm chí lý tròn đầy, khởi tâm chấp trước, như uống đề hồ mà trúng độc vậy.

Một trăm hai thứ kiến giải kể trên, đều là mê trái tông chỉ, làm mất bản chơn, cũng như dụi mắt nên thấy hoa đóm trên không; leo cây để tìm cá. Mùi đấng chẳng làm được giống ngọt; đất cát đâu thể nấu thành cơm! Ấy đều vì chẳng biết Pháp tánh dung thông, nên mê lầm lời phương tiện của chư Phật, chư Tổ, chìm nơi kiến chấp, tự chướng bản tâm, chẳng nhập Trung đạo, bò lét trên đường thẳng trâm, ràng buộc trong lòng thủ xả, nơi vô tâm mà muốn đoạn trừ, nơi vô sự mà muốn lìa bỏ, lấy pháp Không làm thành cảnh si ái, đem chơn trí lập thành tư tưởng chướng ngại, luôn luôn theo đuổi bát phong, khó ra khỏi lưới chấp trước. Thật chẳng biết cái lý sanh tử âm thầm khế hợp với đạo, vọng vốn là Bồ đề, xưa nay dung thông giác tánh, sáng thường trụ nơi tối, nước chẳng lìa băng, diệu dụng vô tận linh trí thường tồn.

Sao lại dứt niệm tưởng để cầu tịch lặng, diệt phiền não để chứng chơn như? Vọng tu vọng tập, tự khó tự dễ mà không biết bản tánh viên giác vốn chẳng bí mật, kho tàng Như Lai thật chẳng che giấu!

Nên biết, lý của viên thường chẳng thiếu, chỉ vì lòng tin giải đông đủ, cũng như thấy Bồ tát đứng trên mũi kim, thấy mảnh treo trên núi Tu Di, chỉ biết tán thán hy hữu kỳ lạ mà chẳng biết tại sao! Như trong kinh Pháp Hoa, con đi ăn xin mà chẳng biết cha (tự tánh) là triệu phú, chẳng dám thừa kế gia tài của mình, suốt ngày tìm cầu bên ngoài mà chẳng tự tỉnh ngộ, bỏ vàng lượm sỏi, cam chịu nghèo khổ.

Cho nên, chư Phật thương tiếc, chư Tổ xót xa, đều nói chúng sanh chẳng chịu đi thẳng đến chỗ thực tế, lạc mất bản tâm, chỉ theo vọng thức thẳng trâm, đuổi theo cảnh trần so đo chấp trước, chẳng biết muôn pháp vô thể, tất cả vô danh, tùy ý hiện hình, theo ngôn lập hiệu, ý tùy tướng sanh, ngôn theo niệm khởi, kỳ thật, tướng và niệm đều không gốc ngọn phi hữu. Cho nên,

tam giới vô vật, vạn hữu trống rỗng, tà chánh đồng nhau, thiện ác không khác. Chúng sanh vì ôm chặt tư tưởng chấp thật, bỏ hết đại nghĩa của Phật pháp, chẳng trở về được tự tánh, lại ở nơi vô tâm mà phân chia đồng dị, ở trong nhất thể mà vọng lập ly hợp, vừa lập mình và người thì liền sanh sự thuận nghịch, ấy lên đầu mỗi đầu tranh, kết thành nghiệp quả mê hoặc, dệt thành lưới thị phi, tạo thành cái lòng của yêu ghét, nhìn bóng tượng trong gương phân biệt xấu đẹp, nghe tiếng dội trong hang mống khởi buồn vui, trách hạnh kiem của người huyễn hóa, mà chẳng biết năng sở song tịch, lý sự đều không. Đã tạo cái nhân mê hoặc thì phải chịu cái quả huyễn hóa.

Muốn rõ diệu lý nên truy cứu tự tâm, một niệm chứng ngộ liền tiêu hằng sa ác nghiệp, một đèn đốt lên liền phá ngàn năm đêm tối, muôn cảnh đối diện mà chẳng lập danh tướng, mê ngộ chẳng còn, trạm nhiên trong sạch, thân tâm thấy nghe tùy duyên dưỡng tánh, phóng khoáng tung hoành, tiêu dao tự tại, sự tiếp xúc hằng ngày đều là giải thoát bất tư nghi, cũng là Đạo tràng đại tịch diệt.

Nay khuyên các vị hậu hiền nên đi theo đường lối này, dầu cho nghe mà chẳng tin, cũng được gieo trồng giống Phật; dầu cho học mà chưa thành cũng được phước báo trời người, huống là chứng quả thành Phật, chẳng có gì bằng!

Những lời trên đây đều có ghi đủ trong kinh điển của Phật, chẳng phải khi không mà đặt ra, xin học giả hãy tự xem xét kỹ!

---o0o---

### **TIÊU SỬ CỦA NGÀI VĨNH MINH** (Dịch từ Chi Nguyệt Lục, quyển 24, Tục Tạng Kinh)

Thiền sư Diên Thọ ở Vĩnh Minh, họ Vương, người Hàng Châu. Thuở nhỏ đã biết kính Phật thừa, lớn lên một ngày chỉ ăn một bữa. Tụng kinh Pháp Hoa hai tháng đã thuộc lòng, cảm thông được bày dề quỳ nghe. Đến tuổi hai mươi tám, làm quan chức Chấn Tướng xứ Huê Đình, gặp ghe lưới đều mua hết cá rồi thả xuống sông. Y chỉ Thúy Nham học pháp xuất thế gian, được vua Văn Mục khen ngợi và cho phép xuất gia, trì hạnh Đầu đà rất tinh tấn; nhập định ở núi Thiên Thai ba tháng, có loài chim làm tổ trên áo. Kế đó tham học với Đức Thiệu Quốc Sư (Tổ thứ nhì của Pháp Nhãn tông), được ngộ và thọ tâm ấn. Ban đầu trụ trì chùa Tuyết Đậu, sau cùng dời đến chùa

Vĩnh Minh, trụ trì mười lăm năm, học chúng có hai ngàn vị. Người đòi cho là Di Lạc hạ sanh.

\*

Tăng hỏi: Thế nào là diệu chỉ của Vĩnh Minh?

Đáp: Đốt thêm nhang đi.

Tăng nói: Tạ sư khai thị.

Sư đáp: Chẳng dính dáng gì cả.

Tăng lễ bái.

Sư nói “nghe bài kệ đây”:

Muốn biết diệu chỉ của Vĩnh Minh,

Trước cửa sẵn đây hồ nước trong.

Mặt trời chiếu thì rọi ánh sáng,

Có gió thổi thì nổi làn sóng.

\*

Hai vị Tăng đến tham học, Sư hỏi một Tăng: Từng đến đây chăng?

Tăng nói: Đã có đến.

Hỏi Tăng kia: Từng đến đây chăng?

Đáp: Chưa từng đến.

Sư nói: Một đắc một thất.

Một hỏi thị giả hỏi: Hai vị Tăng vừa rồi, chăng biết vị nào đắc, vị nào thất?

Sư hỏi: Người biết hai vị này chăng?

Đáp: Không biết.

Sư nói: Trong một hàm chăng có đất khác.

\*

Về cốt tủy của chư Phật chư Tổ, Sư có nhắc đến ngài Ca Diếp Ba vừa nghe kệ sau đây liền được chứng Sơ quả, kệ rằng:

Các pháp tùy duyên sanh,

Các pháp tùy duyên diệt.

Thầy ta đại Sa môn,

Lời này luôn luôn thuyết.

Bồ tát Long Thọ lại có bài kệ rằng:

Chẳng vật tùy duyên sanh,  
Chẳng vật tùy duyên diệt.  
Sanh chỉ các duyên sanh,  
Diệt chỉ các duyên diệt.

Do hai bài kệ trên được biết, **sắc** sanh chỉ là **không** sanh, **sắc** diệt chỉ là **không** diệt. Ví như tánh của gió chẳng động, vì duyên khởi nên thấy động, nếu bản tánh của gió vốn động thì đâu có bao giờ tịnh được. Trong phòng kín nếu có gió sao gặp duyên liền khởi? Chẳng những tánh gió như thế, tất cả pháp đều vậy, nghĩa là **sắc** với **không** chẳng khác.

Nên Duy Ma Cật nói với Bồ tát Văn Thù rằng: “Tướng chẳng đến mà đến, tướng chẳng thấy mà thấy”.

Văn Thù nói: “Đúng thế, nếu đến rồi thì chẳng đến nữa, nếu đi rồi thì chẳng đi nữa. Tại sao? Kẻ đến chẳng có chỗ xuất phát, kẻ đi chẳng có chỗ đến, cái sở thấy chẳng thể thấy nữa, ấy là ý chỉ của duyên khởi Vô sanh vậy”.  
Hỏi: Bài kệ của ngài Trường Sa rằng:

Người học đạo sao chẳng biết chơn?  
Chỉ vì xưa nay nhận thức thân.  
Nguồn gốc sanh tử từ vô thủy,  
Si mê cho là bồn lai nhân.

Vậy lia tánh thức riêng có chơn tâm ư?

Đáp: Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, Phật vì A Nan phân tích kỹ càng, người còn chẳng tin. A Nan cho tư tưởng suy tìm là tâm, đã bị Phật quở. Tư tưởng suy tìm là thức, nếu dùng ý thức suy nghĩ, hành theo danh tướng thì sanh phiền não, ấy gọi là thức, chẳng gọi là tâm. “Ý” tức là ghi nhớ, tưởng nhớ cảnh xưa, sanh khởi nơi vọng đều là vọng thức, chẳng dính dáng với tâm. Bản tâm phi hữu phi vô, hữu vô đều chẳng nhiễm, cho đến mê, ngộ, thánh, phàm, đi, đứng, nằm, ngồi, đều là vọng thức, chẳng phải tâm vậy. Tâm xưa vốn chẳng sanh, nay cũng chẳng diệt. Nếu biết tự tâm như thế thì chư Phật cũng vậy, nên Duy Ma Cật nói: “Trực tâm là đạo tràng”, vì chẳng hư giả.

Sư vì Phật pháp đương thời lưu truyền ở Trung Quốc chẳng được đầy đủ, mà ba tông: Thiên Thai, Hiền Thủ, Duy Thức lại chấp tánh chấp tướng, bài xích lẫn nhau, nên mời Pháp sư thông suốt giáo lý của ba tông hội hợp lại vấn nạn với nhau, hễ khi bị kẹt nơi đại nghĩa cao tốt, thì Sư dùng yếu chỉ của Thiên tông để dung thông cùng vào nghĩa Trung đạo. Do đó, Sư thu thập Bí

kinh Đại thừa liễu nghĩa sáu chục bộ, và lời dạy của các bậc Thánh Hiền ba trăm nhà, gồm người Ấn Độ và Trung Quốc, soạn thành bộ Tông Cảnh Lục một trăm quyển lưu truyền khắp thiên hạ và giúp cho giáo lý của ba tông được đầy đủ hơn.

Tăng hỏi: Bộ Tông Cảnh của Hòa thượng bàn luận, chỉ lập nhất tâm làm tông chỉ, cho là bao gồm vô lượng pháp môn. Vậy thì Tâm gồm tất cả pháp ư? Nếu nói “sinh”, là tự sinh hoặc tha sinh, hoặc cộng sinh, hoặc vô sinh ư?

Đáp: Tâm này chẳng tung chẳng hoành, phi tha phi tự, tại sao? Nếu gồm tất cả pháp tức là hoành, nếu sinh tất cả pháp tức là tung. Nếu nói tự sinh thì tâm lại sinh tâm sao? Nếu nói tha sinh thì tự còn chẳng lập, huống là có tha? Nếu nói cộng sinh thì tự tha còn chẳng có, lấy gì để cộng? Nếu nói vô nhân sinh thì hữu nhân còn chẳng cho, huống là vô nhân!

Tăng nói: Nếu bốn thứ sinh đó đều không, tại sao? Phật nói: “Ý căn sinh ý thức, tất cả do tâm tạo!” thế há chẳng phải tự sinh ư? Lại nói tâm chẳng độc khởi, phải nhờ duyên mới khởi, có duyên thì tư tưởng sinh, không duyên thì tư tưởng chẳng sinh, há chẳng phải tha sinh ư? Lại nói nhân duyên lục căn tiếp xúc lục trần, sinh ra lục thức lãnh thọ, thành tất cả pháp, há chẳng phải cộng sinh ư? Lại nói Thập nhị nhân duyên tánh tự như vậy, chẳng do Phật, trời, người hay a tu la, há chẳng phải vô nhân sinh ư?

Sư cười nói: Chư Phật ứng cơ, tùy duyên sai biệt, mong chúng sinh làm thiện phá ác, khiến vào Đệ nhất nghĩa đế. Nói bốn thứ sinh ấy chỉ là lời phương tiện, như nắm tay không để gạt trẻ con, đâu có pháp thật!

Hỏi: Thế thì tất cả pháp **thị** (đúng) là tâm ư?

Đáp: Nói **thị** tức là hai.

Hỏi: Thế thì tất cả pháp đều lập **phi** (sai) ư?

Đáp: **Phi** cũng thành hai. Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói “Chơn Văn Thù chẳng **thị** Văn Thù, nếu có **thị** là hai Văn Thù, nhưng ta hôm nay **phi** chẳng Văn Thù, trong đó thật chẳng có hai tướng **thị** và **phi**”.

Hỏi: Đã hai tướng thì sùng nhất được chẳng?

Đáp: Thị phi đã nghịch đại chỉ, nhất cũng trái viên tông.

Hỏi: Vậy dùng tâm như thế nào mới khế hợp Tông chỉ này?

Đáp: Cảnh và trí đều quên, còn nói gì khế hợp nữa!

Hỏi: Thế thì ngôn ngữ và suy tư chấm dứt, tâm trí cắt tuyệt?

Đáp: Ấy cũng là lời nói miễn cưỡng, xoay chuyển theo ý của người khác, dù muốn ẩn hình mà chưa quên dấu tích.

Hỏi: Thế nào được hình tích đều quên?

Đáp: Vốn chẳng triệu chứng dấu tích, có gì để quên!

Hỏi: Con biết rồi. Khi được đại ngộ mới được tự rõ, như người uống nước lạnh, nóng tự biết phải chăng?

Đáp: Cửa ải chúng ta chẳng có lý rõ hay không rõ, cũng chẳng mê ngộ. Xòe tay trình ông chẳng một vật, Uống công lao nhọc thuyết ngàn lời.

Chẳng phải người thượng căn (tin tự tâm) thì chẳng thể gánh vác việc này. Cổ Đức nói: “Khắp mười phương thế giới, tìm một người bạn chẳng ra, chỉ một người thừa kế ngôi Tổ, chẳng có người thứ hai”. Nếu chưa đích thân đến chỗ cứu cánh, chỉ làm nhọc tinh thần suy tư, dấu cho nói huyền lại thêm huyền, diệu lại thêm diệu, cũng chỉ là lời phương tiện để giúp cho được vào cửa, đến khi nơi bốn phận được đích thân chiếu soi (kiến tánh), xem lại những phương tiện huyền diệu đều là ma thuyết, vọng tâm trôi nổi, đủ thứ kiến giải khôn khéo đều chẳng thể thành tựu Viên Giác, chỉ là dấu tích hình tướng ngôn ngữ, nếu chấp lời phương tiện thì mê đạo chơn thật. Cần đến nơi đầu sào trăm thước, buông thân xả mạng mới được.

ăng nói: Xin cho một lời dạy cuối cùng.

Sư nói:

Kẻ huyền hóa hỏi người huyền hóa,  
Nước suối đáp tiếng dội trong hang.  
Muốn thông đạt Tông chỉ của ta,  
Trâu đất bước đi trên nước bằng.

Người dạy đệ tử rằng: Chánh tông của Phật Tổ là chơn Duy thức, hễ có chỗ tin (tin tự tâm) đều có thể dạy người. Nếu luận về cửa tu chứng, thì bậc

Trưởng lão các nơi đều nói “Công dụng chưa so bằng chư Thánh”. Nhưng trong giáo môn cũng cho rằng, sơ tâm Bồ tát cũng có thể do so sánh mà biết, cũng do theo ngôn giáo của Phật mà hội, trước dùng văn giải tín nhập, sau dùng vô tư (chẳng suy tư) khế đồng, vừa vào cửa tín, bèn lên ngôi Tổ. Hiện nay, theo việc thể gian trong thế giới này, dù chưa chứng ngộ, cũng có ba thứ biết về chánh pháp: một là so sánh biết, hai là hiện biết, ba là theo ngôn giáo mà biết.

Thế nào là so sánh biết? Cũng như cái thân hữu lậu này đều có chiêm bao, trong chiêm bao thấy có cảnh giới tốt, xấu, vui, buồn rõ ràng, khi thức tỉnh mới biết nằm yên trên giường, tất cả đều do tư tưởng ý thức làm nên, đâu có thật. Dem việc chiêm bao so sánh với việc thức tỉnh thì khi thức tỉnh cũng như chiêm bao chẳng thật, cảnh giới quá khứ, vị lai, hiện tại vốn là thân tướng phần của thức thứ tám, cảnh hiện tại là do minh liễu ý thức suy tư, đều do bản thức biến hiện ra, nên trong chiêm bao với lúc thức tỉnh dù khác, đều chẳng ra ngoài ý thức, thế thì ý chỉ của duy tâm do so sánh được bày tỏ rõ ràng.

Thế nào là hiện biết? Tức là đối với cảnh phân minh, chẳng cần so sánh, cũng như hiện nay thấy các vật xanh, trắng, bản tánh các vật vốn tự trống rỗng, chẳng nói ta xanh ta trắng, đều do nhãn thức với đồng thời ý thức so đo phân biệt, cho là xanh là trắng, cho ý thức phân biệt là màu sắc, dùng ngôn thuyết làm xanh làm trắng, đều thuộc về dấu tích của ý ngôn (ngôn ngữ của ý thức) vọng tự đặt ra, vì lục trần vốn lay động, thể chẳng tự lập, tên chẳng tự gọi, một sắc đã vậy, thì muôn pháp cũng như thế, chẳng có tự tánh, đều là ý ngôn, nên nói vạn pháp vốn thanh nhàn, do người tự náo động. Cho nên khi hữu tâm sanh khởi thì vạn cảnh đều có, vô tâm sanh khởi thì vạn cảnh đều không. Nhưng không chẳng tự không, do tâm nên không; hữu chẳng tự hữu, do tâm nên hữu; đã là phi không phi hữu, tức là duy thức, duy tâm. Nếu vô nơi tâm thì vạn pháp đặt ở chỗ nào? Cũng như cảnh quá khứ đâu phải có, tùy chỗ niệm khởi bỗng hiện, nếu tưởng niệm chẳng sanh thì cảnh cũng chẳng hiện, ấy đều là cuộc sống hằng ngày có thể hiện biết, chẳng nhờ tu tập, chẳng đợi công thành. Phạm loài hữu tâm đều có thể chứng biết. Nên Cổ Đức nói: “Như người thượng căn biết pháp Duy thức, thường quán tự tâm, biết ý ngôn làm cảnh, kẻ sơ quán dù chưa thành bậc Thánh, đã thấu nghĩa của ý ngôn, tức là sơ tâm Bồ tát”.

Thế nào theo ngôn giáo mà biết? Kinh nói: “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức, bản lý của vạn pháp hiện ra, hay giải thích kỹ càng về chánh tông vậy”.

Sư thừa đại nguyện lực, làm Pháp thí chủ nơi Trung Quốc, trụ trì chùa Vĩnh Minh mười lăm năm, độ đệ tử một ngàn năm trăm người, vào núi Thiên Thai truyền giới hơn mười ngàn người, thường thọ giới Bồ tát cho thất chúng, ban đêm thí thực, ban ngày phóng sanh, lục thời tán hoa, ngày đêm tu trì, đông, hạ chẳng ngừng, tiếng tăm truyền khắp nước ngoài. Vua Cao Ly sai Tăng vượt biên hỏi đạo, trong số đó có ba mươi sáu vị được Sư thọ Tâm ấn. Vua Cao Ly gửi thư xin làm đệ tử đúng lễ.

Buổi sáng ngày 26 tháng chạp năm thứ 8, niên hiệu Khai Bửu, Sư thị hiện có bệnh, đốt nhang báo cáo đại chúng, ngồi kiết già viên tịch, thọ 72 tuổi, hạ 42. toàn thân nhập tháp núi Đại Từ.

Kính cảm ơn Thượng Tọa Thích Đồng Thường đã gửi tặng Thư Viện Hoa Sen phiên bản vi tính tài liệu này. (Tâm Diệu)

---o0o---

**HẾT**